

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2024-2025 - KHÓA 58**

(Kèm theo quyết định số 1964/QĐ-ĐHTM ngày 03 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
1	22D100006	Chữ Ngọc	Anh	K58A5	A	16	9.02	3.94	92		Xuất sắc
2	22D100041	Lê Nguyễn Minh	Châu	K58A3	A	16	8.94	3.94	90		Giỏi
3	22D100220	Nguyễn Thị Cao	Nhân	K58A5	A	22	8.88	3.93	90		Giỏi
4	22D100023	Nguyễn Thị Lan	Anh	K58A1	A	16	8.81	4.00	82		Giỏi
5	22D100202	Phạm Vũ	Nam	K58A2	A	18	8.77	3.86	85		Giỏi
6	22D100250	Vũ Thị Thu	Phuong	K58A4	A	16	8.77	3.91	84		Giỏi
7	22D100205	Trần Thị Tú	Nga	K58A3	A	17	8.75	3.91	87		Giỏi
8	22D100289	Nguyễn Hoàng Anh	Thơ	K58A5	A	23	8.75	3.93	78		Khá
9	22D100258	Dương Thị	Quỳnh	K58A6	A	22	8.75	3.80	90		Giỏi
10	22D100032	Nguyễn Thị	Ánh	K58A5	A	16	8.74	3.88	90		Giỏi
11	22D100109	Cao Thị Thanh	Hiền	K58A4	A	16	8.73	3.81	90		Giỏi
12	22D100105	Nguyễn Thanh	Hằng	K58A1	A	25	8.69	3.76	94		Giỏi
13	22D100215	Vũ Thị	Ngọc	K58A1	A	17	8.69	3.91	82		Khá
14	22D100173	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K58A6	A	16	8.68	3.81	92		Khá
15	22D100172	Nguyễn Thị Mai	Linh	K58A5	A	16	8.63	3.69	86		Khá
16	22D100128	Nguyễn Thu	Hòa	K58A5	A	16	8.60	3.66	88		Khá
17	22D100011	Hoàng Thị Vân	Anh	K58A1	A	22	8.57	3.86	92		Khá
18	22D100010	Hạ Quế	Anh	K58A6	A	19	8.57	3.76	88		Khá
19	22D100060	Mai Trọng	Duy	K58A2	A	18	8.53	3.78	92		Khá
20	22D100297	Đỗ Thị	Thúy	K58A6	A	16	8.53	3.72	96		Khá
21	22D100092	Nguyễn Thị	Giang	K58A1	A	18	8.52	3.72	85		Khá
22	22D100232	Trần Lê	Như	K58A5	A	22	8.51	3.75	95		Khá
23	22D100303	Vũ Thị	Tiến	K58A5	A	16	8.51	3.69	92		Khá
24	22D100059	Trần Thị Kim	Dung	K58A4	A	22	8.50	3.82	85		Khá
25	22D100099	Nguyễn Thu	Hà	K58A1	A	18	8.48	3.67	82		Khá
26	22D100337	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	K58A1	A	16	8.48	3.81	80		Khá
27	22D100196	Nguyễn Ngọc	Minh	K58A5	A	17	8.47	3.82	82		Khá
28	22D100168	Lê Thị	Linh	K58A1	A	22	8.46	3.64	88		Khá
29	22D100293	Đỗ Minh	Thuý	K58A2	A	19	8.45	3.71	85		Khá
30	22D100230	Trần Thị Cẩm	Nhung	K58A3	A	16	8.43	3.72	74		Khá
31	22D100177	Trần Thị Phương	Linh	K58A4	A	16	8.43	3.50	87		Khá
32	22D100149	Ngô Thị Thu	Hường	K58A4	A	16	8.41	3.72	84		Khá
33	22D108030	Nguyễn Thị	Hoài	K58AA1	AA	17	8.88	3.91	90		Giỏi
34	22D108070	Lê Hương	Thảo	K58AA1	AA	17	8.88	4.00	99		Giỏi
35	22D108006	Nguyễn Ngọc	Anh	K58AA1	AA	17	8.81	3.85	82		Giỏi
36	22D108075	Nguyễn Thị Thảo	Vy	K58AA1	AA	17	8.69	3.76	93		Khá
37	22D108011	Trần Thị Vân	Anh	K58AA1	AA	17	8.62	3.76	82		Khá
38	22D108058	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	K58AA1	AA	20	8.62	3.85	90		Khá
39	22D109020	Nguyễn Thị	Hoài	K58AS1	AS	18	8.83	3.92	85		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
40	22D109014	Trần Hương	Giang	K58AS1	AS	15	8.77	3.87	100		Giỏi
41	22D109026	Bùi Khánh	Linh	K58AS1	AS	20	8.73	3.85	85		Giỏi
42	22D109028	Nguyễn Tuệ	Linh	K58AS1	AS	17	8.66	3.74	97		Khá
43	22D109027	Ngô Diệu	Linh	K58AS1	AS	19	8.59	3.82	84		Khá
44	22D120179	Vũ Như	Quỳnh	K58C2	C	16	9.08	4.00	92		Xuất sắc
45	22D120132	Trần Ngọc	Minh	K58C3	C	19	9.04	3.95	92		Xuất sắc
46	22D120147	Đỗ Linh	Nga	K58C1	C	22	9.01	3.95	85		Giỏi
47	22D120189	Trương Thị Hồng	Thắm	K58C2	C	16	8.96	4.00	91		Giỏi
48	22D120015	Phạm Mai Thùy	Anh	K58C3	C	19	8.92	4.00	92		Giỏi
49	21D120262	Trần Thị Bích	Ngọc	K58C4	C	25	8.92	3.94	86		Giỏi
50	22D120100	Đặng Thị Thúy	Lan	K58C4	C	19	8.87	4.00	92		Giỏi
51	22D120205	Nguyễn Thị Thu	Trang	K58C2	C	17	8.85	4.00	93		Giỏi
52	22D120164	Phan Thị	Nhung	K58C4	C	17	8.82	4.00	86		Khá
53	22D120203	Lê Thị Quỳnh	Trang	K58C4	C	16	8.81	3.88	94		Khá
54	22D120040	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	K58C4	C	16	8.78	3.94	84		Khá
55	22D120041	Trần Thị Ngọc	Diệp	K58C1	C	19	8.76	3.92	86		Khá
56	22D120209	Vũ Thị	Trình	K58C1	C	20	8.76	3.85	88		Khá
57	22D120088	Nguyễn Ngọc	Huyền	K58C1	C	16	8.75	3.88	86		Khá
58	22D120161	Lương Cẩm	Nhung	K58C1	C	22	8.72	3.91	85		Khá
59	22D120170	Phạm Thu	Phương	K58C1	C	23	8.72	3.80	85		Khá
60	22D120066	Lê Khánh	Hà	K58C2	C	19	8.72	4.00	89		Khá
61	22D120144	Nguyễn Hữu	Nam	K58C1	C	20	8.71	3.90	85		Khá
62	22D120186	Phùng Phương	Thảo	K58C4	C	20	8.70	3.85	91		Khá
63	22D120071	Cao Thị	Hiền	K58C2	C	19	8.69	3.87	82		Khá
64	22D120154	Lê Thị Hồng	Ngọc	K58C3	C	16	8.68	3.72	87		Khá
65	22D120035	Mông Thị	Choi	K58C3	C	19	8.66	3.84	93	100%	Khá
66	22D121070	Trương Phương	Linh	K58CD2	CD	21	8.99	4.00	95		Giỏi
67	22D121105	Dương Hoài Anh	Thư	K58CD2	CD	23	8.87	3.87	96		Giỏi
68	22D121002	Dương Việt	Anh	K58CD2	CD	23	8.83	4.00	85		Giỏi
69	22D121116	Nguyễn Thị Hải	Yến	K58CD2	CD	22	8.78	3.91	88		Giỏi
70	22D121052	Lương Văn	Khá	K58CD2	CD	20	8.71	3.95	99		Khá
71	22D121009	Vương Quỳnh	Anh	K58CD2	CD	17	8.67	3.88	94		Khá
72	22D121096	Vũ Thị Mỹ	Tâm	K58CD2	CD	17	8.66	3.88	89		Khá
73	22D121095	Nguyễn Minh	Tâm	K58CD1	CD	17	8.60	3.82	86		Khá
74	22D121110	Nguyễn Thị Thu	Trang	K58CD2	CD	18	8.58	3.75	85		Khá
75	22D121017	Trần Thị Kim	Cúc	K58CD2	CD	16	8.58	3.81	89		Khá
76	22D121106	Đặng Thị Anh	Thư	K58CD1	CD	18	8.57	3.81	84		Khá
77	22D220092	Nguyễn Thu	Hương	K58T3	T	19	8.89	4.00	91		Giỏi
78	22D220199	Đỗ Thị	Thêu	K58T3	T	22	8.88	4.00	96		Giỏi
79	22D220103	Bùi Phương	Linh	K58T4	T	19	8.87	3.95	91		Giỏi
80	22D220007	Bùi Thị Vân	Anh	K58T4	T	16	8.86	4.00	88		Giỏi
81	22D220237	Trần Thị Hải	Yến	K58T1	T	22	8.86	4.00	87	Có	Giỏi
82	22D220191	Lê Thị Thu	Thảo	K58T1	T	24	8.82	3.90	93		Giỏi
83	22D220008	Dương Tú	Anh	K58T1	T	22	8.80	3.91	94		Giỏi
84	22D220097	Lưu Thị	Lan	K58T3	T	19	8.78	4.00	88		Giỏi
85	22D220194	Vũ Thanh	Thảo	K58T4	T	25	8.76	3.94	93		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
86	22D220106	Hồ Thị	Linh	K58T3	T	25	8.75	3.86	99		Khá
87	22D220037	Hà Lê Tuyết	Dung	K58T4	T	22	8.75	3.93	98		Khá
88	22D220195	Vũ Thu	Thảo	K58T1	T	22	8.73	3.86	87		Khá
89	22D220155	Ngô Ý	Như	K58T1	T	22	8.68	3.86	82		Khá
90	22D220154	Mai Yên	Nhi	K58T4	T	19	8.68	3.95	92		Khá
91	22D220176	Hồ Tú	Quyên	K58T4	T	19	8.67	3.87	89		Khá
92	22D220087	Trần Thị Thanh	Huyền	K58T3	T	19	8.66	3.87	92		Khá
93	22D220082	Ngô Hải	Huyền	K58T1	T	19	8.65	3.95	89		Khá
94	22D220089	Đỗ Thị	Hương	K58T4	T	19	8.64	3.82	92		Khá
95	22D220079	Vương Hoàng	Huệ	K58T1	T	16	8.63	3.94	92		Khá
96	22D220234	Nguyễn Hải	Yên	K58T2	T	19	8.63	3.82	94		Khá
97	22D220232	Vũ Thế	Xương	K58T3	T	19	8.62	3.79	89		Khá
98	22D220081	Đỗ Thị Thanh	Huyền	K58T4	T	16	8.62	3.75	93		Khá
99	22D220108	Lưu Ngọc	Linh	K58T1	T	16	8.61	3.88	92		Khá
100	22D220178	Đặng Thị Như	Quỳnh	K58T2	T	16	8.61	3.88	89		Khá
101	22D150047	Hà Thị	Gấm	K58D3	D	20	9.00	4.00	93		Xuất sắc
102	22D150095	Mai Khánh	Linh	K58D2	D	19	8.91	3.92	98		Giỏi
103	22D150001	Nguyễn Thị Dĩ	An	K58D2	D	16	8.88	3.78	94		Giỏi
104	22D150013	Phạm Thị Quỳnh	Anh	K58D1	D	17	8.85	3.82	86		Giỏi
105	22D150039	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K58D2	D	23	8.80	3.87	87		Giỏi
106	22D150058	Bùi Vũ Như	Hằng	K58D1	D	19	8.75	3.84	93		Giỏi
107	22D150153	Quách Thị Thanh	Thúy	K58D3	D	25	8.75	3.80	93		Giỏi
108	22D150130	Nguyễn Thị	Như	K58D3	D	20	8.70	3.70	97		Khá
109	22D150096	Nguyễn Diệu	Linh	K58D3	D	17	8.66	3.82	94		Khá
110	22D150011	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	K58D3	D	19	8.65	3.79	94		Khá
111	22D150107	Nguyễn Thị Kiều	Ly	K58D2	D	23	8.64	3.80	88		Khá
112	22D150167	Trương Thị Huyền	Trang	K58D2	D	17	8.61	3.79	88		Khá
113	22D150041	Nguyễn Thuý	Dương	K58D1	D	23	8.60	3.67	100		Khá
114	22D150082	Nguyễn Duy	Khánh	K58D2	D	16	8.59	3.69	96		Khá
115	22D150005	Bùi Thị Phương	Anh	K58D3	D	20	8.58	3.78	86		Khá
116	22D150126	Trần Thảo	Nguyên	K58D2	D	22	8.55	3.68	88		Khá
117	22D150008	Nguyễn Mai	Anh	K58D2	D	19	8.53	3.79	88		Khá
118	22D270089	Huy Thị	Trang	K58DC1	DC	17	8.81	3.91	91		Giỏi
119	22D270012	Phạm Thị Ngọc	Ánh	K58DC2	DC	19	8.80	3.92	91		Giỏi
120	22D270046	Thân Khánh	Ly	K58DC1	DC	21	8.79	3.88	88		Giỏi
121	22D270028	Lâm Thị Bảo	Hoàn	K58DC1	DC	16	8.68	3.69	97		Giỏi
122	22D270099	Nguyễn Thị Nguyệt	Yên	K58DC1	DC	15	8.63	3.77	82		Khá
123	22D270037	Nguyễn Thị Kim	Khánh	K58DC1	DC	16	8.57	3.69	94		Khá
124	22D270077	Vũ Thanh	Thảo	K58DC1	DC	18	8.57	3.81	93		Khá
125	22D270074	Lưu Thị Bích	Thảo	K58DC2	DC	15	8.56	3.70	82		Khá
126	22D270001	Nguyễn Thị	An	K58DC1	DC	19	8.53	3.61	88		Khá
127	22D270009	Trần Thị Quỳnh	Anh	K58DC1	DC	24	8.51	3.71	74		Khá
128	22D155067	Phạm Thị Thu	Thủy	K58DD1	DD	16	8.99	3.94	86		Giỏi
129	22D155020	Trần Thái	Hà	K58DD1	DD	16	8.96	3.94	85		Giỏi
130	22D155045	Triệu	Mẫn	K58DD1	DD	16	8.94	3.94	86		Giỏi
131	22D155071	Trần Thu	Trang	K58DD1	DD	16	8.93	3.94	89		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
132	22D155037	Lê Nguyễn Hải	Linh	K58DD1	DD	16	8.89	3.94	85		Khá
133	22D155047	Phạm Hồng	Ngân	K58DD1	DD	16	8.88	3.94	93		Khá
134	22D155011	Trương Thị Quỳnh	Anh	K58DD1	DD	16	8.84	3.88	85		Khá
135	22D151013	Vũ Thị Thu	Hương	K58DI1	DI	17	9.01	3.82	97		Giỏi
136	22D151003	Phạm Vũ Hồng	Anh	K58DI1	DI	17	8.67	3.76	89		Khá
137	22D290064	Nguyễn Lê Hải	Long	K58DK1	DK	23	9.15	4.00	97		Xuất sắc
138	22D290104	Nguyễn Đức	Thắng	K58DK1	DK	16	9.12	3.91	100		Giỏi
139	22D290083	Vũ Thị Hồng	Nhung	K58DK2	DK	25	9.12	3.94	88		Giỏi
140	22D290036	Nguyễn Minh	Hà	K58DK2	DK	23	9.08	4.00	95		Giỏi
141	22D290100	Trần Thị	Thảo	K58DK2	DK	20	9.06	3.90	89		Khá
142	22D290111	Nguyễn Thùy	Trang	K58DK1	DK	16	8.90	3.91	97		Khá
143	22D290080	Lương Uyên	Nhi	K58DK1	DK	22	8.85	3.91	80		Khá
144	22D290058	Lê Phương	Linh	K58DK2	DK	23	8.84	3.93	87		Khá
145	22D290062	Nguyễn Tôn Khánh	Linh	K58DK2	DK	19	8.81	3.87	96		Khá
146	22D290033	Nguyễn Hương	Giang	K58DK2	DK	19	8.76	3.92	90		Khá
147	22D290008	Nguyễn Thị Vân	Anh	K58DK2	DK	16	8.75	3.84	100		Khá
148	22D290051	Mai Thị	Hương	K58DK2	DK	23	8.73	3.80	91		Khá
149	22D130112	Trần Văn	Khánh	K58E1	E	17	9.11	4.00	92		Xuất sắc
150	22D130046	Chữ Thị Ánh	Dương	K58E2	E	17	9.10	4.00	90		Xuất sắc
151	22D130130	Trần Khánh	Linh	K58E3	E	17	9.04	3.91	87		Giỏi
152	22D130154	Trần Thị Thuý	Nga	K58E1	E	19	9.03	4.00	94		Giỏi
153	22D130099	Nguyễn Thị	Huyền	K58E1	E	20	9.01	4.00	84		Giỏi
154	22D130090	Nguyễn Thị	Huệ	K58E3	E	20	9.01	4.00	82		Giỏi
155	22D130064	Lê Hương	Giang	K58E4	E	23	8.97	4.00	84		Giỏi
156	22D130148	Hoàng Ngọc	Nam	K58E1	E	17	8.96	4.00	90		Giỏi
157	22D130193	Diêm Thị Thu	Thỏa	K58E2	E	20	8.96	3.88	88		Giỏi
158	22D130181	Đào Thị Thanh	Tâm	K58E2	E	20	8.94	3.95	96		Khá
159	22D130195	Nguyễn Thị	Thu	K58E4	E	23	8.93	3.93	86		Khá
160	22D130066	Phạm Thị Hương	Giang	K58E1	E	20	8.91	3.93	91		Khá
161	22D130068	Dương Minh	Giáp	K58E1	E	19	8.89	3.79	92		Khá
162	22D130071	Phạm Thị Thanh	Hà	K58E3	E	17	8.89	3.91	82		Khá
163	22D130032	Trịnh Thị Kim	Chúc	K58E1	E	23	8.88	3.93	93		Khá
164	22D130191	Vũ Phương	Thảo	K58E4	E	22	8.85	4.00	84		Khá
165	22D130054	Phan Nghi	Đan	K58E1	E	22	8.84	3.93	82		Khá
166	22D130049	Nguyễn Thùy	Dương	K58E2	E	17	8.84	3.91	81	Có	Khá
167	22D130094	Lưu Gia	Huy	K58E2	E	20	8.82	3.70	95		Khá
168	22D130078	Đỗ Thị Thanh	Hiền	K58E1	E	16	8.81	3.81	96		Khá
169	22D130160	Trương Thị	Ngọc	K58E3	E	17	8.81	3.85	81		Khá
170	22D130016	Trương Thị Lan	Anh	K58E3	E	17	8.79	4.00	87		Khá
171	22D130113	Đoàn Thị Hồng	Kiều	K58E3	E	19	8.78	3.87	94		Khá
172	22D260046	Nguyễn Khánh	Hòa	K58EK2	EK	18	9.21	3.94	87		Giỏi
173	22D260041	Lê Thị Minh	Hiền	K58EK1	EK	16	9.18	3.94	89		Giỏi
174	22D260129	Khổng Thị Đan	Vi	K58EK3	EK	15	8.96	4.00	83		Giỏi
175	22D260123	Tạ Ngọc Vân	Trình	K58EK3	EK	15	8.96	3.90	86		Giỏi
176	22D260057	Trần Thị Thu	Hương	K58EK1	EK	19	8.94	4.00	90		Giỏi
177	22D260086	Mai Hà Quỳnh	Nhi	K58EK3	EK	22	8.90	3.93	82		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
178	22D260118	Đinh Xuân	Toàn	K58EK2	EK	24	8.89	3.94	90		Khá
179	22D260090	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K58EK1	EK	15	8.88	3.80	88		Khá
180	22D260031	Trần Thị Thảo	Dương	K58EK2	EK	22	8.87	3.86	86		Khá
181	22D260077	Đinh Hoài	Nam	K58EK1	EK	19	8.84	3.92	80		Khá
182	22D260052	Vũ Thị Thu	Huyền	K58EK3	EK	18	8.84	3.83	84		Khá
183	22D260024	Phan Phương	Dung	K58EK3	EK	22	8.83	3.93	81		Khá
184	22D260023	Đỗ Thị	Diệu	K58EK1	EK	19	8.80	3.92	82		Khá
185	22D300015	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	K58LQ1	LQ	19	9.09	3.95	93		Xuất sắc
186	22D300065	Lê Thị Thu	Huệ	K58LQ2	LQ	16	8.99	3.94	86		Giỏi
187	22D300116	Đỗ Thị Minh	Phuong	K58LQ2	LQ	19	8.95	4.00	78		Khá
188	22D300140	Lương Văn	Thuận	K58LQ1	LQ	22	8.90	4.00	87		Giỏi
189	22D300096	Luyện Trà	My	K58LQ2	LQ	16	8.89	3.94	93		Giỏi
190	22D300143	Phạm Minh	Thư	K58LQ2	LQ	22	8.86	4.00	86		Giỏi
191	22D300059	Khuất Thị	Hoa	K58LQ2	LQ	16	8.83	3.88	93		Giỏi
192	22D300145	Nguyễn Thùy	Trang	K58LQ1	LQ	16	8.81	3.94	86		Khá
193	22D300061	Đỗ Duy	Hoàng	K58LQ2	LQ	16	8.81	3.94	95		Khá
194	22D300090	Nguyễn Thị Hải	Linh	K58LQ3	LQ	22	8.77	3.93	92		Khá
195	22D300007	Đỗ Thị Phương	Anh	K58LQ3	LQ	22	8.74	3.84	89		Khá
196	22D300008	Lâm Thị Mai	Anh	K58LQ1	LQ	16	8.69	3.84	88		Khá
197	22D300092	Vũ Thùy	Linh	K58LQ2	LQ	25	8.69	3.80	88		Khá
198	22D300101	Hoàng Bảo	Ngọc	K58LQ1	LQ	16	8.67	3.94	82		Khá
199	22D300016	Nguyễn Thị Vân	Anh	K58LQ1	LQ	19	8.67	3.89	84		Khá
200	22D300045	Nguyễn Anh	Đức	K58LQ3	LQ	16	8.66	3.91	100		Khá
201	22D160084	Đào Thu	Hiền	K58F5	F	15	9.20	4.00	97		Xuất sắc
202	22D160018	Nguyễn Vân	Anh	K58F1	F	17	8.95	3.91	86		Giỏi
203	22D160258	Uông Thị	Trà	K58F1	F	15	8.93	3.90	96		Giỏi
204	22D160047	Đỗ Phương	Duy	K58F4	F	20	8.75	3.78	92		Giỏi
205	22D160042	Hà Thị Vân	Dung	K58F1	F	20	8.70	3.83	88		Giỏi
206	22D160074	Trần Thủy	Hà	K58F1	F	25	8.66	3.74	78		Khá
207	22D160211	Nguyễn Như	Quỳnh	K58F1	F	20	8.65	3.85	87		Giỏi
208	22D160061	Nguyễn Hải	Đăng	K58F5	F	16	8.64	3.72	97		Giỏi
209	22D160244	Nguyễn Thị Thu	Thùy	K58F2	F	22	8.63	3.73	100		Giỏi
210	22D160072	Nguyễn Thị Thu	Hà	K58F2	F	20	8.61	3.78	93		Giỏi
211	22D160263	Nguyễn Quang	Trương	K58F4	F	15	8.59	3.87	85		Giỏi
212	22D160159	Giàng Thị	Máo	K58F2	F	19	8.53	3.74	85	Có	Khá
213	22D160224	Hoàng Thị Phương	Thảo	K58F3	F	17	8.51	3.74	90		Khá
214	22D160119	Nguyễn Thị Thu	Hương	K58F4	F	20	8.51	3.78	89		Khá
215	22D160083	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	K58F2	F	19	8.47	3.66	99		Khá
216	22D160122	Nguyễn Thị Thu	Hường	K58F2	F	23	8.46	3.70	91		Khá
217	22D160168	Hoàng Thị Trang	My	K58F3	F	16	8.44	3.69	87		Khá
218	22D160271	Nguyễn Thanh	Vân	K58F1	F	23	8.43	3.59	91		Khá
219	22D160054	Lê Bạch	Dương	K58F5	F	19	8.43	3.66	92		Khá
220	22D160252	Trần Thị	Trang	K58F5	F	16	8.43	3.44	89		Khá
221	22D160243	Hoàng Thị Kim	Thùy	K58F1	F	15	8.42	3.67	91		Khá
222	22D160035	Lê Hà	Chi	K58F4	F	16	8.42	3.78	90		Khá
223	22D160127	Lưu Thị Ngọc	Lan	K58F4	F	20	8.42	3.58	100		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
224	22D160033	Phí Thị Thanh	Chà	K58F4	F	16	8.41	3.72	90		Khá
225	22D160188	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	K58F1	F	20	8.40	3.63	88		Khá
226	22D160135	Đỗ Thùy	Linh	K58F5	F	16	8.38	3.56	85		Khá
227	22D160121	Vũ Thị Thu	Hương	K58F1	F	15	8.36	3.57	83		Khá
228	22D180023	Nguyễn Ngọc	Ánh	K58H4	H	19	8.86	3.89	84		Giỏi
229	22D180254	Bùi Vũ Thảo	Vy	K58H4	H	18	8.84	3.92	90		Giỏi
230	22D180097	Lê Thị Thương	Huyền	K58H4	H	19	8.83	3.87	100		Giỏi
231	22D180070	Đặng Thị Thanh	Hải	K58H5	H	16	8.83	3.94	93		Giỏi
232	22D180156	Nguyễn Hoài	Minh	K58H2	H	16	8.78	3.75	100		Giỏi
233	22D180102	Phùng Thị	Huyền	K58H2	H	16	8.78	3.78	98		Giỏi
234	22D180197	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	K58H3	H	25	8.74	3.88	81		Giỏi
235	22D180175	Kiều Hồng	Ngọc	K58H5	H	19	8.74	3.79	81		Giỏi
236	22D180217	Vũ Phương	Thảo	K58H5	H	16	8.71	3.88	86		Giỏi
237	22D180186	Bùi Đoàn Minh	Phương	K58H4	H	16	8.71	3.78	83		Khá
238	22D180228	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	K58H2	H	19	8.67	3.84	80		Khá
239	22D180196	Lê Phương	Quỳnh	K58H2	H	19	8.67	3.68	80		Khá
240	22D180032	Đinh Thị Như	Bình	K58H1	H	16	8.63	3.69	83		Khá
241	22D180008	Lê Thị Quỳnh	Anh	K58H1	H	22	8.60	3.73	82		Khá
242	22D180087	Hoàng Thị	Hồng	K58H3	H	16	8.60	3.88	76		Khá
243	22D180094	Dương Diệu	Huyền	K58H3	H	19	8.59	3.63	84		Khá
244	22D180162	Nguyễn Thị Trà	My	K58H5	H	19	8.59	3.76	90		Khá
245	22D180163	Nguyễn Trà	My	K58H1	H	18	8.53	3.78	100		Khá
246	22D180176	Ngô Bích	Ngọc	K58H1	H	16	8.51	3.78	87		Khá
247	22D180015	Nguyễn Thị Kim	Anh	K58H4	H	16	8.51	3.69	86		Khá
248	22D180136	Phan Thùy	Linh	K58H2	H	16	8.49	3.72	90		Khá
249	22D180180	Nguyễn Hồng	Nhung	K58H5	H	16	8.49	3.75	91		Khá
250	22D180043	Phan Thị Thu	Diễm	K58H1	H	16	8.48	3.75	83		Khá
251	22D180205	Nguyễn Thị	Thanh	K58H3	H	22	8.48	3.73	83		Khá
252	22D180085	Lê Thị Minh	Hòa	K58H4	H	16	8.48	3.69	84		Khá
253	22D280053	Nguyễn Thị	Thu	K58HC1	HC	16	8.80	4.00	85		Giỏi
254	22D280055	Trịnh Thị Hồng	Thúy	K58HC1	HC	16	8.75	3.91	87		Giỏi
255	22D280038	Trịnh Hà	Mai	K58HC1	HC	16	8.69	3.72	75		Khá
256	22D280005	Nguyễn Thị Vân	Anh	K58HC2	HC	16	8.56	3.66	86		Giỏi
257	22D280009	Nguyễn Hoa Hoàng	Dương	K58HC2	HC	19	8.54	3.74	100		Khá
258	22D280025	Đặng Thị Thu	Hường	K58HC1	HC	16	8.46	3.59	90		Khá
259	22D185030	Nguyễn Thị Thu	Hường	K58HH2	HH	17	8.98	3.82	98		Giỏi
260	22D185002	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	K58HH2	HH	17	8.91	4.00	80		Giỏi
261	22D185011	Bùi Giang	Bình	K58HH1	HH	17	8.86	3.94	94		Giỏi
262	22D185013	Hà Kim	Chi	K58HH1	HH	17	8.79	3.82	84		Khá
263	22D185026	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K58HH2	HH	17	8.64	3.76	81		Khá
264	22D185049	Lê Thị Thu	Ngân	K58HH2	HH	17	8.59	3.71	80		Khá
265	22D185028	Vũ Khánh	Huyền	K58HH2	HH	17	8.56	3.74	84		Khá
266	22D140025	Nguyễn Thị	Bảo	K58I3	I	16	9.34	4.00	100		Xuất sắc
267	22D140037	Chu Thị Bích	Chi	K58I5	I	16	9.14	4.00	94		Xuất sắc
268	22D140010	Nguyễn Ngọc	Anh	K58I1	I	16	9.09	4.00	89		Giỏi
269	22D140235	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	K58I5	I	16	9.09	3.91	87		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
270	22D140196	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	K58I1	I	17	8.95	3.88	94		Giỏi
271	22D140033	Nguyễn Thị Hồng	Châu	K58I5	I	16	8.95	3.94	87		Giỏi
272	22D140089	Lê Thị	Huế	K58I4	I	21	8.94	4.00	93		Giỏi
273	22D140022	Trương Nguyễn Quỳnh	Anh	K58I4	I	22	8.93	3.91	79		Khá
274	22D140182	Cao Phương	Thảo	K58I1	I	16	8.90	3.91	85		Giỏi
275	22D140121	Phạm Thị	Linh	K58I1	I	22	8.89	4.00	100		Giỏi
276	22D140157	Lê Thị Tú	Oanh	K58I4	I	16	8.89	3.94	100		Khá
277	22D140211	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K58I4	I	16	8.83	3.81	92		Khá
278	22D140035	Bùi Khánh	Chi	K58I3	I	21	8.82	3.83	87		Khá
279	22D140096	Đậu Thị Bích	Hương	K58I5	I	19	8.81	3.87	88		Khá
280	22D140202	Phạm Thị	Tiếp	K58I1	I	16	8.78	3.84	86		Khá
281	22D140069	Lê Mỹ	Hà	K58I3	I	22	8.78	3.77	84		Khá
282	22D140228	Tô Thị Tú	Uyên	K58I5	I	18	8.78	3.69	96		Khá
283	22D140148	Hồ Thị Thanh	Ngọc	K58I5	I	16	8.77	3.81	93		Khá
284	22D140236	Chu Thị Hải	Yến	K58I1	I	18	8.75	3.81	89		Khá
285	22D140214	Trương Thị Thùy	Trang	K58I2	I	23	8.74	3.74	89		Khá
286	22D140188	Nguyễn Hương	Thảo	K58I2	I	22	8.74	3.86	91		Khá
287	22D140080	Vũ Thị Thu	Hiền	K58I4	I	21	8.74	3.71	94		Khá
288	22D140029	Nguyễn Hồng	Băng	K58I4	I	19	8.72	3.87	88		Khá
289	22D190040	Hoàng Long	Giáp	K58S4	S	24	9.15	4.00	85		Giỏi
290	22D190101	Lưu Vũ Nhật	Minh	K58S4	S	17	9.15	4.00	93		Xuất sắc
291	22D190081	Phùng Văn	Lâm	K58S4	S	24	9.09	3.94	98		Xuất sắc
292	22D190071	Dương Thị Thanh	Hương	K58S1	S	20	9.08	4.00	97		Giỏi
293	22D190123	Đào Thị Yến	Nhi	K58S4	S	17	8.96	4.00	84		Giỏi
294	22D190124	Trần Thị Hồng	Nhung	K58S1	S	20	8.94	4.00	83		Giỏi
295	22D190077	Nguyễn Triệu Gia	Khánh	K58S4	S	17	8.91	4.00	97		Giỏi
296	22D190057	Phan Minh	Hoàng	K58S2	S	23	8.90	4.00	77		Khá
297	22D190042	Phạm Ngọc	Hà	K58S4	S	21	8.90	4.00	97		Khá
298	22D190033	Nguyễn Thành	Đạt	K58S1	S	24	8.88	4.00	84		Khá
299	22D190043	Trần Thu	Hà	K58S2	S	24	8.88	3.88	89		Khá
300	22D190039	Trần Thị Hà	Giang	K58S3	S	23	8.84	4.00	100		Khá
301	22D190085	Lương Trúc	Linh	K58S3	S	23	8.83	3.93	98		Khá
302	22D190011	Vũ Thị	Ánh	K58S2	S	17	8.82	3.91	89		Khá
303	22D190150	Nguyễn Minh	Thư	K58S2	S	17	8.82	4.00	86		Khá
304	22D190045	Đỗ Thị	Hào	K58S4	S	20	8.82	3.93	86		Khá
305	22D190035	Ninh Văn	Đức	K58S4	S	23	8.82	3.87	92		Khá
306	22D190170	Ngô Thị Thanh	Trúc	K58S4	S	15	8.80	4.00	86		Khá
307	22D192045	Nguyễn Diệu	Linh	K58SN2	SN	17	8.96	3.94	100		Giỏi
308	22D192050	Trần Thị	Ly	K58SN1	SN	17	8.94	3.88	92		Giỏi
309	22D192077	Bùi Thị	Thùy	K58SN1	SN	17	8.77	3.82	86		Giỏi
310	22D192022	Phạm Hương	Giang	K58SN1	SN	17	8.59	3.71	88		Khá
311	22D192047	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K58SN2	SN	17	8.58	3.76	83		Khá
312	22D192038	Đào Thị Thu	Hương	K58SN1	SN	17	8.53	3.68	86		Khá
313	22D192021	Quế Thị Thùy	Dương	K58SN2	SN	17	8.52	3.68	87		Khá
314	22D192039	Nguyễn Thị	Hương	K58SN2	SN	17	8.45	3.71	85		Khá
315	22D170264	Đào Thị Khánh	Vinh	K58N2	N	17	9.18	4.00	84		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
316	22D170115	Phạm Thị Hà	Linh	K58N1	N	17	9.09	4.00	75		Khá
317	22D170046	Nguyễn Hương	Giang	K58N3	N	15	8.92	3.93	80		Giỏi
318	22D170231	Hồ Minh	Thúy	K58N4	N	15	8.92	3.93	88		Giỏi
319	22D170249	Nguyễn Thị Kim	Trang	K58N5	N	19	8.92	3.89	94		Giỏi
320	22D170164	Nguyễn Thị	Ngọc	K58N5	N	15	8.92	4.00	87		Giỏi
321	22D170266	Trần Long	Vũ	K58N3	N	20	8.91	3.93	84		Giỏi
322	22D170143	Vũ Trà	My	K58N3	N	17	8.90	3.94	80		Giỏi
323	22D170205	Nguyễn Thị	Quyên	K58N4	N	15	8.89	3.93	90		Giỏi
324	22D170239	Trần Thị Thủy	Tiên	K58N2	N	17	8.88	3.94	82		Giỏi
325	22D170177	Dương Thị	Nhung	K58N2	N	15	8.87	3.93	84		Khá
326	22D170105	Lương Thị Khánh	Linh	K58N1	N	17	8.86	3.94	80		Khá
327	22D170224	Nguyễn Đức	Thắng	K58N1	N	15	8.85	3.87	98		Khá
328	22D170218	Nguyễn Thanh	Thảo	K58N4	N	19	8.83	4.00	100		Khá
329	22D170204	Nguyễn Minh	Quân	K58N3	N	22	8.82	4.00	84		Khá
330	22D170067	Đỗ Trung	Hiếu	K58N1	N	17	8.81	3.91	84		Khá
331	22D170094	Nguyễn Thị	Hương	K58N5	N	18	8.79	3.83	75		Khá
332	22D170084	Ngô Thu	Huyền	K58N1	N	17	8.77	3.88	80		Khá
333	22D170150	Vũ Thị Quỳnh	Nga	K58N2	N	18	8.77	3.89	81		Khá
334	22D170273	Vũ Thị Hải	Yến	K58N3	N	17	8.75	3.79	75		Khá
335	22D170069	Vũ Gia	Hiếu	K58N3	N	15	8.75	3.87	94		Khá
336	22D170005	Nguyễn Hải	Anh	K58N4	N	15	8.73	3.93	82		Khá
337	22D170252	Trương Thu	Trang	K58N3	N	17	8.70	3.76	80		Khá
338	22D170225	Nguyễn Văn	Thắng	K58N2	N	15	8.69	3.87	82		Khá
339	22D170159	Đỗ Thị Bích	Ngọc	K58N5	N	15	8.68	3.87	94		Khá
340	22D170149	Phạm Thị Yến	Nga	K58N1	N	19	8.68	3.89	80		Khá
341	22D200033	Phạm Vũ Hương	Giang	K58P2	P	19	9.20	4.00	89		Giỏi
342	22D200045	Phạm Phương	Hoa	K58P2	P	21	9.02	3.95	100		Xuất sắc
343	22D200078	Trần Thị Tuyết	Mai	K58P2	P	17	8.98	3.91	99		Giỏi
344	22D200024	Trần Thị Mai	Dung	K58P2	P	21	8.85	3.83	95		Giỏi
345	22D200116	Phạm Thị Ngọc	Trang	K58P1	P	17	8.84	3.94	97		Khá
346	22D200094	Nguyễn Thu	Phương	K58P2	P	18	8.73	3.81	94		Khá
347	22D200075	Nguyễn Bích	Loan	K58P1	P	17	8.71	3.79	84		Khá
348	22D200076	Bùi Xuân	Mai	K58P2	P	18	8.69	3.72	93		Khá
349	22D200022	Trần Hữu	Chiến	K58P2	P	21	8.68	3.79	97		Khá
350	22D200001	Đỗ Thị Thu	An	K58P1	P	20	8.55	3.73	95		Khá
351	22D200062	Nguyễn Hà	Lam	K58P2	P	20	8.55	3.70	88		Khá
352	22D201020	Lưu Phương	Thảo	K58PQ1	PQ	16	9.04	3.91	97		Giỏi
353	22D201005	Lại Thùy	Dương	K58PQ1	PQ	16	8.46	3.56	90		Khá
354	22D105049	Nguyễn Thị Ánh	Thảo	K58Q1	Q	24	9.11	3.88	90		Giỏi
355	22D105043	Mai Minh	Quyên	K58Q1	Q	18	8.93	3.81	90		Khá
356	22D105041	Nguyễn Thị	Phương	K58Q1	Q	20	8.84	3.88	86		Khá
357	22D105018	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	K58Q1	Q	18	8.82	3.92	87		Khá
358	22D105017	Nguyễn Thị Hương	Giang	K58Q1	Q	21	8.72	3.79	94		Khá
359	22D107239	Nguyễn Thị Hải	Yến	K58QT3	QT	15	9.21	4.00	92		Xuất sắc
360	22D107011	Nguyễn Thị Trung	Anh	K58QT4	QT	17	9.18	4.00	90		Xuất sắc
361	22D107171	Phạm Thị Như	Quỳnh	K58QT1	QT	17	9.15	3.91	85		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
362	22D107238	Nguyễn Thị	Yến	K58QT2	QT	18	9.13	4.00	86		Giỏi
363	22D107182	Khuất Thị Phương	Thảo	K58QT2	QT	24	9.12	3.90	87		Giỏi
364	22D107146	Hoàng Thị	Nhài	K58QT3	QT	17	9.06	4.00	84	Có	Giỏi
365	22D107191	Đỗ Thị	Thùy	K58QT3	QT	17	9.05	4.00	89		Giỏi
366	22D107165	Đặng Thị	Phượng	K58QT4	QT	17	9.03	3.91	89		Giỏi
367	22D107188	Đồng Thị	Thoan	K58QT4	QT	17	9.02	3.94	89		Khá
368	22D107123	Lê Thị Xuân	Mai	K58QT2	QT	17	8.99	3.94	89		Khá
369	22D107066	Nguyễn Thị	Hiền	K58QT1	QT	18	8.97	3.89	89		Khá
370	22D107126	Nguyễn Thị Trà	My	K58QT1	QT	15	8.97	3.83	99		Khá
371	22D107190	Lê Thị Huyền	Thu	K58QT2	QT	17	8.97	3.88	86		Khá
372	22D107233	Phạm Hoàng Thảo	Vy	K58QT1	QT	15	8.96	4.00	88		Khá
373	22D107069	Nguyễn Thị	Hòa	K58QT1	QT	18	8.94	3.81	88		Khá
374	22D107040	Đỗ Vĩnh	Chính	K58QT2	QT	17	8.94	3.85	86		Khá
375	22D107203	Hoàng Thu	Trang	K58QT3	QT	17	8.94	3.94	89		Khá
376	22D107093	Lê Thanh	Lan	K58QT3	QT	17	8.89	4.00	85		Khá
377	22D107164	Trần Thùy	Phuong	K58QT3	QT	17	8.89	4.00	86	Có	Khá
378	22D107095	Vũ Thị	Liều	K58QT1	QT	18	8.88	3.89	88		Khá
379	22D107032	Ngô Minh	Chi	K58QT2	QT	17	8.87	3.85	100		Khá
380	22D107054	Lê Thị Hương	Giang	K58QT3	QT	18	8.87	3.92	90		Khá
381	22D210167	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K58U2	U	15	9.00	4.00	94		Xuất sắc
382	22D210187	Trần Đăng	Quang	K58U1	U	15	8.98	4.00	88		Giỏi
383	22D210185	Ngô Thị Kim	Phượng	K58U2	U	15	8.95	4.00	93		Giỏi
384	22D210171	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	K58U1	U	15	8.92	4.00	82		Giỏi
385	22D210192	Trần Thị Như	Quỳnh	K58U2	U	22	8.91	3.95	91		Giỏi
386	22D210204	Hoàng Văn	Thái	K58U4	U	16	8.80	3.91	90		Giỏi
387	22D210155	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	K58U1	U	15	8.79	4.00	83		Giỏi
388	22D210252	Nguyễn Thị Hải	Yến	K58U2	U	25	8.79	4.00	94		Giỏi
389	22D210088	Nguyễn Văn	Hiếu	K58U1	U	15	8.76	3.93	90		Giỏi
390	22D210214	Dương Thu	Thùy	K58U1	U	15	8.75	3.90	92		Khá
391	22D210004	Bùi Thị Việt	Anh	K58U1	U	15	8.74	4.00	98		Khá
392	22D210017	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	K58U2	U	15	8.71	3.83	89		Khá
393	22D210034	Nguyễn Ngọc	Ánh	K58U4	U	15	8.70	3.80	84		Khá
394	22D210064	Nguyễn Hương	Giang	K58U5	U	18	8.69	3.94	96		Khá
395	22D210163	Dương Thanh	Nhân	K58U4	U	17	8.68	3.88	95		Khá
396	22D210168	Trần Thị Phi	Nhung	K58U3	U	15	8.65	3.90	83		Khá
397	22D210242	Trần Thị Thu	Tuyền	K58U5	U	22	8.64	3.95	85		Khá
398	22D210022	Phùng Thị Lan	Anh	K58U1	U	15	8.63	3.87	98		Khá
399	22D210018	Nguyễn Thị Vân	Anh	K58U4	U	15	8.63	3.87	77		Khá
400	22D210245	Lê Thị Thanh	Tú	K58U2	U	24	8.61	3.90	88		Khá
401	22D210194	Phạm Phương	Thảo	K58U3	U	19	8.61	3.92	85		Khá
402	22D210212	Dương Thị Diệu	Thùy	K58U4	U	17	8.61	3.88	96		Khá
403	22D210139	Khổng Thị Hồng	Ly	K58U4	U	18	8.60	3.86	84		Khá
404	22D210079	Đặng Minh	Hằng	K58U4	U	15	8.60	3.80	88		Khá
405	22D211026	Trần Bảo	Ngọc	K58UU1	UU	17	8.78	3.94	88		Giỏi
406	22D211031	Phạm Tiến	Quốc	K58UU1	UU	17	8.74	3.85	90		Khá
407	22D211021	Tô Lan	Hương	K58UU1	UU	17	8.72	3.85	91		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK2 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
408	22D211028	Nguyễn Hà	Phuong	K58UU1	UU	17	8.63	3.85	100		Khá

(Danh sách gồm 408 sinh viên)